

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trịnh Xuân Vương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Chí Linh	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Đăng Thoại	Thành viên
Ông Lê Minh Diễm	Thành viên
Ông Trương Đức Vọng	Thành viên
Ông Ngô Tân Long	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Chí Linh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Thoại	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không.
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Chí Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2013



Số: 095 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng") của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2013 từ trang 3 đến trang 26. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi. Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được soát xét và kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác, với báo cáo soát xét phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2012 và báo cáo kiểm toán phát hành ngày 11 tháng 03 năm 2013 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 12 tháng 8 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1503-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		263.793.142.077	233.195.480.310
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	22.642.986.919	25.829.282.239
1. Tiền	111		22.642.986.919	14.029.282.239
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	11.800.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		69.351.748.065	51.825.474.492
1. Phải thu khách hàng	131		63.919.078.605	50.784.157.134
2. Trả trước cho người bán	132		5.685.816.162	1.476.120.700
3. Các khoản phải thu khác	135		271.851.934	90.195.294
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(524.998.636)	(524.998.636)
III. Hàng tồn kho	140	6	169.025.475.290	154.141.393.035
1. Hàng tồn kho	141		169.025.475.290	154.141.393.035
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.772.931.803	1.399.330.544
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.726.517.638	258.038.568
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		476.449.813	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	569.964.352	1.141.291.976
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		248.331.705.378	253.929.399.497
I. Tài sản cố định	220		207.765.268.893	214.478.249.184
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	194.431.199.354	202.242.931.879
- Nguyên giá	222		303.569.187.084	299.551.674.304
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(109.137.987.730)	(97.308.742.425)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	12.049.506.812	12.181.460.396
- Nguyên giá	228		12.924.659.400	12.924.659.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(875.152.588)	(743.199.004)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	1.284.562.727	53.856.909
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		38.827.500.000	37.827.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	15.000.000.000	15.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	6.250.000.000	9.250.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	13	25.365.000.000	25.365.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	14	(7.787.500.000)	(11.787.500.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.738.936.485	1.623.650.313
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		436.982.516	300.004.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	1.274.953.969	1.296.646.313
3. Tài sản dài hạn khác	268		27.000.000	27.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		512.124.847.455	487.124.879.807

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

		MẪU B 01-DN	
		Đơn vị tính: VND	
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	
			30/6/2013
			31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		141.943.117.721
I. Nợ ngắn hạn	310		129.210.398.010
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	60.837.969.187
2. Phải trả người bán	312		26.486.343.179
3. Người mua trả tiền trước	313		758.465.878
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	7.637.866.800
5. Phải trả người lao động	315		16.456.782.447
6. Chi phí phải trả	316	18	4.396.273.695
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	3.244.735.482
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	20	9.391.961.342
II. Nợ dài hạn	330		12.732.719.711
1. Phải trả dài hạn khác	333		132.600.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	21	7.500.000.000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	15	303.836
4. Dự phòng phải trả dài hạn	337		5.099.815.875
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		370.181.729.734
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	370.181.729.734
1. Vốn cổ phần	411		128.568.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		72.468.790.783
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		110.012.802.711
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		12.694.816.729
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		46.436.719.511
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		512.124.847.455

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ		371.854.500	-
2. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ ("USD")		25.570	11.852
- Đồng Euro ("Euro")		2.926	2.925

ba

Hồ Thị Hải Vân
Người lập

Nguyễn Thế Đề
Kế toán trưởng

Nguyễn Chí Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết số	minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
1. Doanh thu gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24		254.139.388.619	203.777.699.655
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			144.036.460	291.132.998
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10			253.995.352.159	203.486.566.657
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	25		117.304.742.773	98.361.616.804
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20			136.690.609.386	105.124.949.853
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27		2.153.180.749	1.975.124.404
7. Chi phí tài chính	22	28		3.218.760.515	8.041.617.715
Trong đó: Chi phí lãi vay	23			3.413.103.781	7.001.715.369
8. Chi phí bán hàng	24			71.620.213.843	53.009.973.598
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25			18.661.888.561	17.423.149.508
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30			45.342.927.216	28.625.333.436
11. Thu nhập khác	31			358.414.592	525.661.408
12. Chi phí khác	32			47.022.258	52.624.374
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40			311.392.334	473.037.034
14. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50			45.654.319.550	29.098.370.470
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29		11.291.138.513	7.147.350.094
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	15		21.692.344	-
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60			34.341.488.693	21.951.020.376
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			2.674	1.787

bưu

Hò Thị Hải Vân
Người lậpNguyễn Thế Đề
Kế toán trưởngNguyễn Chí Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	45.654.319.550	29.098.370.470
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	12.056.114.617	10.668.012.198
Các khoản dự phòng	03	(286.443.958)	1.000.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	79.698.596	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.898.034.291)	(1.994.215.313)
Chi phí lãi vay	06	3.413.103.781	7.001.715.369
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	58.018.758.295	45.773.882.724
Tăng các khoản phải thu	09	(13.756.262.878)	(2.929.523.749)
Tăng hàng tồn kho	10	(14.884.082.255)	(12.371.933.058)
Tăng các khoản phải trả	11	8.373.398.951	8.499.901.013
Tăng chi phí trả trước	12	(1.605.457.586)	(1.760.230.533)
Tiền lãi vay đã trả	13	(3.219.247.974)	(6.561.687.591)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(14.020.803.041)	(5.000.827.926)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.437.843.624	634.563.546
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.641.373.562)	(2.381.274.838)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.702.773.574	23.902.869.588
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(9.652.708.326)	(8.337.646.564)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	31.297.500	19.090.909
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty khác	25	-	(4.000.000.000)
4. Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.153.180.749	1.975.124.404
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.468.230.077)	(10.343.431.251)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	73.081.040.322	18.485.197.330
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(68.192.867.133)	(6.726.235.976)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(15.316.083.800)	(12.169.749.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.427.910.611)	(410.787.646)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.193.367.114)	13.148.650.691
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	25.829.282.239	7.863.437.460
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	7.071.794	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	22.642.986.919	21.012.088.151

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm số tiền là 280.426.000 đồng (ngày 30 tháng 6 năm 2012: 0 đồng) là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu tăng các khoản phải trả.

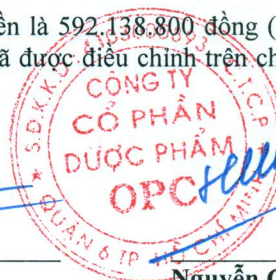
Tiền cổ tức đã trả cho cổ đông trong kỳ không bao gồm số tiền là 592.138.800 đồng (ngày 30 tháng 6 năm 2012: 445.202.600 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu tăng các khoản phải trả.



Hồ Thị Hải Vân
Người lập



Nguyễn Thế Đề
Kế toán trưởng



Nguyễn Chí Linh
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Xí nghiệp Dược phẩm Trung Ương 26 (là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam - Bộ Y tế, có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 102652 do Trọng tài kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 5 năm 1993) theo Quyết định số 138/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000893 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 03 năm 2002 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Hiện nay, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 410300089 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh đã được thay thế bằng giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302560110 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 12 vào ngày 27 tháng 6 năm 2012. Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 113/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20 tháng 10 năm 2008 với mã chứng khoán là OPC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 653 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 626 người).

Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất hóa dược phẩm, hóa dược, thương mại, dịch vụ và bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo là báo cáo tài chính riêng của Công ty, được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013. Do đó, Công ty không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI****Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính riêng trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất có thời hạn và không có thời hạn và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không tính khấu hao theo các quy định hiện hành. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian năm năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Đầu tư vào công ty con: Công ty con là công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Đầu tư vào công ty liên kết: Công ty liên kết là công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Góp vốn liên doanh: Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập khi các tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí đầu tư thuê mặt bằng và chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí đầu tư thuê mặt bằng được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng bốn năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và cũng không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được hạch toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả, phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG TIỀN

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	7.266.199.682	1.548.132.059
Tiền gửi ngân hàng	15.376.787.237	12.481.150.180
Các khoản tương đương tiền	-	11.800.000.000
	22.642.986.919	25.829.282.239

6. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	97.276.087.834	87.405.740.938
Công cụ, dụng cụ	86.227.771	3.160.257
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.278.175.646	3.094.088.759
Thành phẩm	67.859.878.749	65.015.047.258
Hàng hóa	525.105.290	623.355.823
	169.025.475.290	154.141.393.035

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, hàng tồn kho luân chuyển với giá trị là 63.330.000.000 đồng đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (Ngày 31 tháng 12 năm 2012: 0 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạm ứng cho nhân viên	532.850.000	138.404.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	37.114.352	1.002.887.976
	569.964.352	1.141.291.976

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	170.808.774.489	112.152.740.991	12.579.623.359	4.010.535.465	299.551.674.304
Tăng trong kỳ	-	1.678.917.858	2.347.401.559	86.109.091	4.112.428.508
Thanh lý, nhượng bán	-	(94.915.728)	-	-	(94.915.728)
Tại ngày 30/6/2013	170.808.774.489	113.736.743.121	14.927.024.918	4.096.644.556	303.569.187.084
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	35.473.265.509	53.087.720.713	5.677.631.899	3.070.124.304	97.308.742.425
Khấu hao trong kỳ	4.260.127.980	6.655.515.604	804.835.974	203.681.475	11.924.161.033
Thanh lý, nhượng bán	-	(94.915.728)	-	-	(94.915.728)
Tại ngày 30/6/2013	39.733.393.489	59.648.320.589	6.482.467.873	3.273.805.779	109.137.987.730
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2013	131.075.381.000	54.088.422.532	8.444.557.045	822.838.777	194.431.199.354
Tại ngày 31/12/2012	135.335.508.980	59.065.020.278	6.901.991.460	940.411.161	202.242.931.879

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty đã thế chấp nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc, thiết bị với tổng giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 30.952.949.231 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: tương đương 166 tỷ đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay dài hạn từ ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 56.507.423.661 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 54.222.476.641 đồng).

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013 và 30/6/2013	12.633.524.400	291.135.000	12.924.659.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	617.040.504	126.158.500	743.199.004
Khấu hao trong kỳ	102.840.084	29.113.500	131.953.584
Tại ngày 30/6/2013	719.880.588	155.272.000	875.152.588
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2013	11.913.643.812	135.863.000	12.049.506.812
Tại ngày 31/12/2012	12.016.483.896	164.976.500	12.181.460.396

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 2.868.400.000 đồng (31 tháng 12 năm 2012: 0 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay từ ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hệ thống xử lý nước tại nhà máy Bình Dương	687.272.727	-
Phần mềm Bravo	597.290.000	53.856.909
	<u>1.284.562.727</u>	<u>53.856.909</u>

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm OPC Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	100%	100%	Sản xuất hóa dược và buôn bán hóa phẩm, đồ uống

Chi tiết số vốn đã góp vào công ty con tại ngày kết thúc kỳ hoạt động của Công ty như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm OPC Bình Dương	15.000.000.000	15.000.000.000

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm OPC Bình Dương ("Công ty con"), một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập ở tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4604000067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp với số vốn điều lệ đăng ký là 15.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Công ty con là sản xuất hóa dược, buôn bán hóa phẩm và đồ uống. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã góp đủ vốn vào Công ty con.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Đầu tư vào Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang	40%	40%	Khai thác, mua bán, nuôi trồng cây dược liệu, sản xuất cao dược liệu và các sản phẩm chức năng

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Góp vốn liên doanh				
Công ty Cổ phần Địa ốc OPC Exim	Thành phố Hồ Chí Minh	50%	50%	Kinh doanh bất động sản
Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Phát triển Khoa Kỹ Y Dược Kiện Kiều – Thành phố Quảng Châu, Trung Quốc	Tỉnh Bình Dương	50%	50%	Sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thuốc trị sốt rét CV ARTECAN và các sản phẩm đông dược khác

Chi tiết số vốn đã đầu tư vào các Công ty liên kết, liên doanh tại ngày kết thúc kỳ hoạt động của Công ty như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Đầu tư vào Công ty liên kết:		
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	6.000.000.000	6.000.000.000
Góp vốn liên doanh:		
Công ty Cổ phần Địa ốc OPC Exim	-	3.000.000.000
Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Phát triển Khoa Kỹ Y Dược Kiện Kiều – Thành phố Quảng Châu, Trung Quốc	250.000.000	250.000.000
	6.250.000.000	9.250.000.000

Đầu tư vào Công ty liên kết:

Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang (“OPC Bắc Giang”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 24004498591 ngày 19 tháng 03 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp với số vốn điều lệ đăng ký là 15.000.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của OPC Bắc Giang, Công ty nắm giữ 40% vốn điều lệ của Công ty OPC Bắc Giang.

Góp vốn liên doanh:**a. Công ty Cổ phần Địa ốc OPC Exim (“OPC Exim”):**

Thể hiện khoản vốn góp tham gia hợp đồng hợp tác đầu tư và thành lập OPC Exim theo hợp đồng số 01-06/2010/HĐHTĐT ngày 21 tháng 6 năm 2010 giữa Công ty và Công ty cổ phần Bất động sản Exim (“EximLand”). OPC Exim được thành lập nhằm đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án cao ốc căn hộ kết hợp thương mại dịch vụ tại số 1017 Hồng Bàng - hiện đang là văn phòng Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.

Ngày 28 tháng 03 năm 2012, Công ty đã gửi Công văn số 204/TCHCTH đến EximLand về việc chấm dứt hợp tác dự án. Ngày 18 tháng 4 năm 2012, EximLand đã gửi Công văn số 41/2012/CV-EXL phúc đáp việc đồng ý chấm dứt dự án và giải thể OPC EXIM. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, EximLand đang chờ Cơ quan thuế quyết toán các nghĩa vụ thuế của Công ty Cổ phần Địa ốc OPC Exim để bổ sung hồ sơ và thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết cho việc giải thể liên doanh này. Trong kỳ, Công ty đã xử lý ghi giảm giá trị đầu tư vào OPC Exim và hoàn nhập khoản dự phòng liên quan đến khoản đầu tư này theo Tờ trình số 01/TT-Tr-TGD-OPEXIM.2013 ngày 07 tháng 6 năm 2013 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 508/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 5 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

b. Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Phát triển Khoa Kỹ Y Dược Kiện Kiều – Thành phố Quảng Châu, Trung Quốc (“Kiện Kiều”)

Thể hiện khoản vốn góp tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Kiện Kiều ký ngày 24 tháng 4 năm 2012 với thời hạn hoạt động là 10 năm tương ứng với thời gian hoạt động trên giấy phép đầu tư. Theo hợp đồng, mỗi bên sẽ góp 50% vốn và lợi nhuận thuần của quá trình thực hiện hợp đồng này sẽ được chia cho hai bên theo tỷ lệ góp vốn.

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Chi tiết khoản đầu tư tài chính dài hạn khác như sau:

	30/6/2013		31/12/2012	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Quỹ Đầu tư chứng khoán Con Hồ Việt Nam	1.000.000	10.100.000.000	1.000.000	10.100.000.000
Quỹ Đầu tư chứng khoán Hà Nội	5.000	5.075.000.000	5.000	5.075.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	144.000	3.800.000.000	144.000	3.800.000.000
Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh	225.000	2.750.000.000	225.000	2.750.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Dược	100.000	1.500.000.000	100.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam	50.000	1.250.000.000	50.000	1.250.000.000
Công ty Cổ phần Vật tư Y tế Dược Thái Bình	7.000	790.000.000	7.000	790.000.000
Công ty Cổ phần Dược & Thiết bị vật tư y tế Tuyên Quang	10.000	100.000.000	10.000	100.000.000
		25.365.000.000		25.365.000.000

14. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Quỹ Đầu tư chứng khoán Hà Nội	(5.528.000.000)	(5.528.000.000)
Quỹ Đầu tư chứng khoán Con Hồ Việt Nam	(2.259.500.000)	(2.259.500.000)
Công ty Cổ phần Địa ốc OPC Exim	-	(4.000.000.000)
	(7.787.500.000)	(11.787.500.000)

Trong kỳ, Công ty đã xử lý ghi giảm giá trị đầu tư vào OPC Exim và hoàn nhập khoản dự phòng liên quan đến khoản đầu tư này theo Tờ trình số 01/TTr-TGD-OPEXIM.2013 ngày 07 tháng 6 năm 2013 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 508/NQ-HDQT ngày 27 tháng 5 năm 2013.

15. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ và các kỳ kế toán trước.

	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Dự phòng phải trả dài hạn VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2012	-	-	-
Ghi giảm lợi nhuận trong năm	303.836	(1.296.646.313)	(1.296.342.477)
Tại ngày 01/01/2013	303.836	(1.296.646.313)	(1.296.342.477)
Ghi tăng lợi nhuận trong kỳ	-	21.692.344	21.692.344
Tại ngày 30/6/2013	303.836	(1.274.953.969)	(1.274.650.133)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn		
- Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	33.565.391.662	-
- Ngân hàng Thương mại Chinatrust - Chi nhánh Hồ Chí Minh	19.772.577.525	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Bình Tây	-	4.392.611.639
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long - Chi nhánh Sài Gòn	-	30.204.766.487
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21)	7.500.000.000	12.085.202.800
	60.837.969.187	46.682.580.926

Vào ngày 30 tháng 01 năm 2013, Công ty ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) với hạn mức tín dụng là 2.000.000 Đô la Mỹ. Khoản tín dụng này có hiệu lực đến ngày 29 tháng 4 năm 2015 và được cấp với mục đích tài trợ vốn lưu động và phát hành thư bảo lãnh. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất cơ bản Đô la Mỹ hoặc Đồng Việt Nam của thời hạn tương ứng cộng 1,5%/năm. Công ty đã sử dụng hàng tồn kho và quyền sử dụng đất để thế chấp cho khoản vay này (xem các Thuyết minh 6 và 9).

Vào ngày 23 tháng 01 năm 2013, Công ty ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Chinatrust - Chi nhánh Hồ Chí Minh với hạn mức tín dụng 1.000.000 Đô la Mỹ. Khoản tín dụng này có hiệu lực đến ngày 23 tháng 01 năm 2014 và được cấp với mục đích tài trợ vốn lưu động và mở thư tín dụng. Khoản vay chịu lãi suất bằng chi phí huy động vốn của Ngân hàng cộng 1,65%/năm. Công ty đã sử dụng hàng tồn kho để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh 6).

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.291.138.513	10.020.803.041
Thuế thu nhập cá nhân	346.087.087	552.853.159
Thuế tiêu thụ đặc biệt	641.200	3.184.440
Thuế giá trị gia tăng	-	57.587.390
Thuế nhập khẩu	-	21.200.821
	7.637.866.800	10.655.628.851

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí khuyến mãi	3.142.002.528	-
Chi phí nhượng quyền	333.262.000	-
Chi phí điện sản xuất	226.451.400	60.700.300
Chi phí lãi vay	193.855.807	-
Chi phí kiểm toán	155.000.000	356.526.500
Chi phí quảng cáo	43.200.000	235.409.091
Chi phí nghiên cứu	-	426.314.169
Chi phí tiền ăn giữa ca và phụ cấp độc hại	-	70.156.997
Phải trả khác	302.501.960	289.320.007
	4.396.273.695	1.438.427.064

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Kinh phí công đoàn	1.744.983.460	990.776.092
Bảo hiểm xã hội	-	245.853.328
Cổ tức	592.138.800	13.336.850.600
Phải trả cho Công ty Cổ phần Địa ốc OPC Exim	654.556.042	-
Phải trả khác	253.057.180	339.000.000
	3.244.735.482	14.912.480.020

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012 VND
Số dư đầu kỳ/năm	12.311.264.904	9.347.142.274
Trích lập từ lợi nhuận giữ lại	-	5.496.411.000
Sử dụng quỹ	(2.919.303.562)	(2.468.660.590)
Hoàn nhập vào lợi nhuận giữ lại do trích thừa	-	(63.627.780)
Số dư cuối kỳ/năm	9.391.961.342	12.311.264.904

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long - Chi nhánh Sài Gòn	7.500.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	-	1.670.405.600
	7.500.000.000	16.670.405.600

Vào ngày 22 tháng 10 năm 2012, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long - Chi nhánh Sài Gòn với số tiền 40.000.000.000 đồng. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 25 tháng 01 năm 2013 đến ngày 23 tháng 10 năm 2014. Khoản vay chịu lãi suất 13,5%/năm và được trả hàng quý. Công ty sử dụng tài sản cố định để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 8).

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	7.500.000.000	12.085.202.800
Trong năm thứ hai	7.500.000.000	16.670.405.600
	15.000.000.000	28.755.608.400
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	(7.500.000.000)	(12.085.202.800)
Số phải trả sau 12 tháng	7.500.000.000	16.670.405.600

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phần được phép phát hành	12.856.860	12.856.860
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	12.856.860	12.856.860
Mệnh giá cổ phiếu (VND)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ thực tế do các cổ đông góp vốn tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

	Số lượng cổ phiếu và tỉ lệ năm giữ tại ngày 31/12/2012 và 30/6/2013		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2012 và 30/6/2013
	Cổ phiếu	%	VND
Cổ đông nhà nước - Tổng Công ty Dược	2.375.100	18,47%	23.751.000.000
Ông Trịnh Xuân Vương	903.254	7,03%	9.032.540.000
Ông Nguyễn Chí Linh	722.748	5,62%	7.227.480.000
Cổ đông khác	8.855.758	68,88%	88.557.580.000
	12.856.860	100%	128.568.600.000

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2012	122.848.600.000	68.464.790.783	71.974.859.253	11.150.432.125	30.078.693.285	304.517.375.446
Góp vốn	5.720.000.000	4.004.000.000	-	-	-	9.724.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	55.380.576.809	55.380.576.809
Phân phối quỹ	-	-	38.037.943.458	1.544.384.604	(39.582.328.062)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.432.783.220)	(5.432.783.220)
Chia lợi nhuận cho liên doanh	-	-	-	-	(104.703.420)	(104.703.420)
Trả cổ tức	-	-	-	-	(25.713.720.000)	(25.713.720.000)
Tại ngày 31/12/2012	128.568.600.000	72.468.790.783	110.012.802.711	12.694.816.729	14.625.735.392	338.370.745.615
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	34.341.488.693	34.341.488.693
Chia lỗ cho liên doanh	-	-	-	-	40.867.426	40.867.426
Trả cổ tức	-	-	-	-	(2.571.372.000)	(2.571.372.000)
Tại ngày 30/6/2013	128.568.600.000	72.468.790.783	110.012.802.711	12.694.816.729	46.436.719.511	370.181.729.734

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 340/NQ-ĐHCD thông qua ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án chia cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế của năm 2012 với số tiền là 28.285.092.000 đồng tương ứng với 22% vốn điều lệ của Công ty. Theo đó, trong kỳ Công ty đã trích thêm số tiền là 2.571.372.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm 2012 trong năm 2013 (số cổ tức tạm trích trong năm 2012 là 25.713.720.000 đồng) để tiến hành việc chi trả cổ tức như nêu trên.

Tại ngày lập báo cáo, cổ tức bằng tiền mặt của các năm mà cổ đông chưa nhận với số tiền là 592.138.800 đồng và Công ty đang ghi nhận trên khoản mục phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Công ty hiện không có hơn một bộ phận cả theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý mà chỉ hoạt động ở một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là ngành dược phẩm và chỉ ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

24. DOANH THU GỘP BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Doanh thu bán thành phẩm	253.736.699.944	203.700.341.655
Doanh thu bán hàng hóa	386.328.675	57.728.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.360.000	19.630.000
	254.139.388.619	203.777.699.655

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Giá vốn bán thành phẩm	116.950.995.593	98.309.402.515
Giá vốn bán hàng hóa	353.747.180	52.214.289
	117.304.742.773	98.361.616.804

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 (Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên vật liệu	109.204.903.855	101.246.929.604
Chi phí nhân công	56.324.410.269	44.671.076.395
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.056.114.617	10.668.012.198
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.951.716.147	6.308.858.188
Chi phí khác	34.310.657.044	31.951.596.899
	218.847.801.932	194.846.473.284

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lãi tiền gửi	141.121.503	188.347.580
Cổ tức được chia	575.421.488	615.849.000
Lợi nhuận được chia từ OPC Bình Dương	1.284.574.000	1.170.927.824
Lợi nhuận được chia từ OPC Bắc Giang	152.063.758	-
	2.153.180.749	1.975.124.404

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí lãi vay	3.413.103.781	7.001.715.369
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.402.096	39.902.346
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	79.698.596	-
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(286.443.958)	1.000.000.000
	3.218.760.515	8.041.617.715

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	45.654.319.550	29.098.370.470
Trừ:		-
- Thu nhập không chịu thuế	(2.012.059.246)	(1.786.776.824)
- Chi phí không được trừ năm trước nhưng được trừ trong kỳ này	(86.769.375)	-
Cộng : Các khoản chi phí không được trừ	1.609.063.121	1.277.806.729
Thu nhập chịu thuế	45.164.554.050	28.589.400.375
Thuế suất hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.291.138.513	7.147.350.094

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

Cơ quan thuế đã thanh tra thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty đến hết năm 2008. Ban Tổng Giám đốc hiểu rằng số thuế trình bày trên báo cáo tài chính riêng trong kỳ được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	544.336.650	544.336.650
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:		
	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	1.088.673.300	1.088.673.300
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	4.354.693.200	4.354.693.200
Sau năm năm	2.721.683.250	3.810.356.550
	8.165.049.750	9.253.723.050

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền Công ty phải trả tiền thuê đất tối thiểu mà Công ty phải trả hàng năm cho lô đất tại 1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đến cuối năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.642.986.919	25.829.282.239
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63.665.931.903	50.349.353.792
Ký quỹ, ký cược	37.114.352	1.002.887.976
Tổng cộng	86.346.033.174	77.181.524.007
Công nợ tài chính		
Vay	68.337.969.187	63.352.986.526
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	29.863.678.661	38.904.061.809
Chi phí phải trả	4.396.273.695	1.438.427.064
Tổng cộng	102.597.921.543	103.695.475.399

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá hay lãi suất của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ/cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	1.292.745.159	2.545.759.827	7.246.978.560	2.505.608.400
Đồng Euro (EUR)	80.923.916	81.019.285	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ và đồng Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng Đô la Mỹ và đồng Euro so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng lần lượt là 595.423.340 đồng và 8.092.392 đồng.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này Công ty quản trị bằng cách mua dự trữ các nguyên liệu theo mùa vụ và các nguyên liệu chính.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/6/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.642.986.919	-	22.642.986.919
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63.665.931.903	-	63.665.931.903
Ký quỹ, ký cược	37.114.352	-	37.114.352
Tổng cộng	86.346.033.174	-	86.346.033.174
Tại ngày 30/6/2013			
Vay	60.837.969.187	7.500.000.000	68.337.969.187
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	29.731.078.661	132.600.000	29.863.678.661
Chi phí phải trả	4.396.273.695	-	4.396.273.695
Tổng cộng	94.965.321.543	7.632.600.000	102.597.921.543
Chênh lệch thanh khoản thuần	(8.619.288.369)	(7.632.600.000)	(16.251.888.369)
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.829.282.239	-	25.829.282.239
Phải thu khách hàng và phải thu khác	50.349.353.792	-	50.349.353.792
Ký quỹ, ký cược	1.002.887.976	-	1.002.887.976
Tổng cộng	77.181.524.007	-	77.181.524.007
Tại ngày 31/12/2012			
Vay	46.682.580.926	16.670.405.600	63.352.986.526
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	36.271.461.809	2.632.600.000	38.904.061.809
Chi phí phải trả	1.438.427.064	-	1.438.427.064
Tổng cộng	84.392.469.799	19.303.005.600	103.695.475.399
Chênh lệch thanh khoản thuần	(7.210.945.792)	(19.303.005.600)	(26.513.951.392)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau đây với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
OPC Bình Dương		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.360.000	19.630.000
Doanh thu cho thuê	60.000.000	60.000.000
Mua nguyên vật liệu	6.778.858.783	6.337.101.000
Mua tài sản cố định	-	671.133.332
Lợi nhuận được chia	1.284.574.000	1.170.927.824

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

OPC Bắc Giang

Góp vốn	-	4.000.000.000
Mua nguyên vật liệu	21.806.289.200	-
Lợi nhuận được chia	152.063.758	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	3.213.750.966	2.204.101.634

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải trả người bán		
OPC Bình Dương	2.379.348.033	1.794.316.163
OPC Bắc Giang	4.846.397.450	3.900.196.070
Phải trả khác		
OPC Exim	654.556.042	-

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu của Thuyết minh số 26 –Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố của kỳ báo cáo trước được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này. Chi tiết như sau:

	Trình bày năm trước VND	Trình bày lại VND	Chênh lệch VND
Chi phí nguyên vật liệu	101.246.929.604	101.246.929.604	-
Chi phí nhân công	44.671.076.395	44.671.076.395	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.668.012.198	10.668.012.198	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.605.768.700	6.308.858.188	3.703.089.488
Chi phí khác	31.424.618.757	31.951.596.899	526.978.142
	190.616.405.654	194.846.473.284	4.230.067.630

bau
Hò Thị Hải Vân
Người lập

Nguyễn Thế Đề
Nguyễn Thế Đề
Kế toán trưởng

Nguyễn Chí Linh
Nguyễn Chí Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84 4 6288 3568
Fax: +84 4 6288 5678

www.deloitte.com/vn

© 2013 Deloitte Vietnam

Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +848 3910 0751
Fax: +848 3910 0750